

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-6-2021  
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Ngọc Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Ông Lê Quốc Thới

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Tr**, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đức Th**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức Th kết hôn vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà và ông Th không hợp nhau, quan điểm bất đồng, sinh ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, bà và ông Th đã tự nguyện sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay, xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Đức Th có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Duy T, sinh năm 1996 và con tên Nguyễn Như H, sinh năm 1997; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Đức Th có tài sản chung nhưng bà và ông Th tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Đức Th không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Nguyễn Đức Th được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông Th không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tr. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là bà Trần Thị Tr có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Đức Th vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của ông Th về yêu cầu ly hôn của bà Tr.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Tr và ông Nguyễn Đức Th là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Nguyễn Đức Th vắng mặt

không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tr và ông Nguyễn Đức Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo trình bày của bà Trần Thị Tr thì trong quá trình chung sống bà Tr và ông Th không hợp nhau, quan điểm bất đồng, sinh ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, bà và ông Th đã tự nguyện sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay, xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th. Đối với ông Nguyễn Đức Th, trong quá trình tố tụng ông Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tr, như vậy ông Th đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với bà Tr. Xét thấy, bà Trần Thị Tr và ông Nguyễn Đức Th chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Tr và ông Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Theo trình bày của bà Trần Thị Tr trong thời gian chung sống trong thời gian chung sống bà Tr và ông Nguyễn Đức Th có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Duy T, sinh năm 1996 và con tên Nguyễn Như H, sinh năm 1997; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Theo trình bày của bà Trần Thị Tr trong thời gian chung sống bà Tr và ông Nguyễn Đức Th có tài sản chung nhưng bà Tr và ông Th tự thỏa thuận, bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Theo trình bày của bà Trần Thị Tr trong thời gian chung sống bà Tr và ông Nguyễn Đức Th không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Tr và ông Nguyễn Đức Th.

2. Về con chung: Đương sự khai có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Duy T, sinh năm 1996 và con tên Nguyễn Như H, sinh năm 1997; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Tr phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006283 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị Tr có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đức Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Ngọc Huyền**